

CHUYỂN ĐỔI RỪNG NGHÈO KIẾT SANG TRỒNG CAO SU Ở TÂY NGUYÊN

Hoàng Đình Quang*

(Bài này được đăng trên tạp chí Hội KHKT Lâm Nghiệp Việt Nam số 41/2011-
GS.TSKH. Nguyễn Ngọc Lung nhận xét)

Thực tiễn phát triển cây Cao su tại Tây Nguyên hiện nay

Hiện nay cao su là cây có thế mạnh để phát triển kinh tế ở Tây Nguyên sau cây Cà phê, được trồng nhiều từ những năm 1990 trở lại đây, chủ yếu là do các doanh nghiệp thuộc Tập đoàn công nghiệp Cao su Việt Nam. Cây cao su được trồng tập trung ở những vùng sâu, vùng xa, biên giới đã đóng góp đáng kể vào sự phát triển kinh tế chung của toàn vùng Tây Nguyên, giải quyết tốt vấn đề an sinh xã hội và an ninh quốc phòng.

Tháng 7 năm 2006 tại hội nghị về phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng vùng Tây Nguyên, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng đã chỉ đạo: Giao Tổng công ty Cao su Việt Nam chủ trì phối hợp với Bộ Nông nghiệp và PTNT làm việc cụ thể với các tỉnh để 5 năm tới phát triển được khoảng 90 nghìn - 100 nghìn ha cao su ở Tây Nguyên. Về quỹ đất, quy hoạch chuyển diện tích đất từ dự án trồng cây nguyên liệu kém hiệu quả, đất giảm từ trồng cây cà phê và đất rừng nghèo kiệt.

Bộ Nông nghiệp và PTNT giao cho Cục Lâm nghiệp hướng dẫn, chỉ đạo các tỉnh Tây Nguyên việc quy hoạch phát triển cao su theo nguyên tắc sử dụng triệt để diện tích đất lâm nghiệp không có rừng, đất nông nghiệp có khả năng chuyển đổi trồng cao su, đất của các hộ dân có thể phát triển cao su tiểu điền, nếu thiếu thì mới quy hoạch, trồng cao su vào diện tích rừng tự nhiên nếu có đủ điều kiện. Ngày 30/7/2009 tại Gia Lai, Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT Hồ Xuân Hùng đã chủ trì Hội nghị triển khai Quyết định số 750/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về quy hoạch phát triển cao su đến năm 2015 và tầm nhìn đến năm 2020. Mục tiêu, đến năm 2010 trồng mới 70.000 ha để diện tích cao su cả nước đạt 650.000 ha, sản lượng đạt 800.000 tấn, kim ngạch xuất khẩu đạt 1,6 tỷ USD. Năm 2015 tiếp tục trồng mới 150.000 ha, nâng diện tích cao su của cả nước lên 800.000 ha, sản lượng 1,1 triệu tấn, kim ngạch xuất khẩu đạt 1,8 tỷ USD. Đến năm 2020, diện tích cao su ổn định 800.000 ha, sản lượng 1,2 triệu tấn, kim ngạch xuất khẩu đạt 2 tỷ USD. Đối với quỹ đất để chuyển đổi: Để đạt được 800.000 ha phải tiếp tục trồng mới 150.000 ha trên diện tích đất sản xuất nông nghiệp kém hiệu quả, đất chưa sử dụng và chuyển đổi từ đất rừng tự nhiên là rừng nghèo kiệt nhưng phải phù hợp với yêu cầu sinh trưởng của cây cao su.

Để đạt được mục tiêu trên, Chính phủ đã chỉ đạo quy hoạch cho từng vùng. Đối với Tây Nguyên tiếp tục trồng mới khoảng 95 nghìn - 100 nghìn ha

trên đất sản xuất nông nghiệp kém hiệu quả, đất chưa sử dụng, chuyển rừng tự nhiên thuộc rừng sản xuất nghèo phù hợp trồng cao su, để ổn định diện tích 280.000 ha.

Theo Ban chỉ đạo Tây Nguyên từ năm 2009 đến nay, các tỉnh Tây Nguyên đã trồng mới khoảng 66.400 ha nâng tổng diện tích cao su Tây Nguyên lên 174.720 ha và theo kế hoạch năm 2011 sẽ trồng mới 32.000 ha. Vậy sau 5 năm thực hiện đến nay chỉ tiêu này chưa đạt mục tiêu đề ra, nhiều nơi ít quan tâm đến lĩnh vực bảo vệ và phát triển rừng mà chỉ chú trọng đến việc giao rừng, giao đất cho các doanh nghiệp để chuyển đổi sang trồng cao su. Cụ thể là: từ năm 2007 đến nay các tỉnh Gia Lai, Kon Tum, Đắk Lắk, Đắk Nông đã chuyển đổi được 50.000 ha rừng cho các doanh nghiệp để trồng cao su. Diện tích đất và rừng được chuyển đổi sang trồng cao su rất lớn như tỉnh Gia Lai tính từ 2007 đến nay đã giao được 26.396 ha; Kon Tum đã giao được gần 47.400 ha; Đắk Lắk đã quy hoạch, phát triển 30.000 ha trong đó có 7.445 ha đất rừng khộp nghèo, đến năm 2015 diện tích quy hoạch phát triển này tăng lên 42.530 ha.

Tiêu chí chuyển đổi rừng tự nhiên nghèo kiệt còn nhiều bất cập:

Tại Thông tư số 99/2006/TT-BNN, ngày 06 tháng 11 năm 2006 của Bộ NN & PTNT quy định : Rừng tự nhiên được phép cải tạo là rừng bị thoái hóa hoặc phát triển kém, không có hoặc ít có khả năng phục hồi và phát triển, nếu áp dụng các biện pháp lâm sinh như: Nuôi dưỡng rừng, làm giàu rừng, khoanh nuôi tái sinh sẽ đạt hiệu quả thấp, cụ thể:

Đối với rừng gỗ thuần loài: Cây gỗ tái sinh mục đích có chiều cao nhỏ hơn 5 m, đường kính bình quân dưới 6 cm, mật độ nhỏ dưới 800 cây/ha; Trữ lượng gỗ nhỏ hơn 50 m³/ha. Nếu chỉ dựa vào các yếu tố này thì rất nhiều kiểu rừng ở những vùng có điều kiện lập địa đặc trưng hoặc khắc nghiệt bị đưa vào diện chuyển đổi để trồng rừng như:

Kiểu phụ rừng rêu (Rừng lùn), kiểu rừng này đa số cây đều có chiều cao dưới 5 m, đường kính nhỏ và trữ lượng rất thấp, nhưng đây là nơi có tính đa dạng sinh học cao, xuất hiện một số loài đặc hữu, nguy cấp, quý, hiếm, là loại rừng giữ nước tốt; đây là kiểu rừng đặc trưng.

Kiểu rừng khộp Tây Nguyên, kiểu này có mật độ cây tái sinh ít, cây gỗ thưa, trữ lượng thấp, thiếu tầng, xuất hiện nhiều khoảng trống là những bãi cỏ hoặc vũng nước và đây là sinh cảnh xuất hiện nhiều loại thú móng guốc và thú ăn thịt. Đây là những kiểu rừng đặc trưng cho vùng Tây Nguyên, kiểu rừng quý, hiếm cần phải được lưu giữ.

Một số vùng có điều kiện lập địa khắc nghiệt như Miền Trung thì cây rừng sinh trưởng rất kém, đường kính bình quân nhỏ hơn so với các vùng khác, vì vậy việc cải tạo những vùng như này để trồng rừng chưa chắc đã có hiệu quả, chính vì thế mà mỗi vùng khi tiến hành thiết kế khai thác gỗ có những chỉ tiêu

về trữ lượng khác nhau. Được thể hiện tại quyết định số 40/2005/QĐ-BNN, ngày 07/7/2005 về ban hành quy chế khai thác gỗ và lâm sản khác. Mặt khác khi chuyển đổi rừng nghèo kiệt này vô hình chung chúng ta đã đóng góp một lượng CO_2 rất lớn vào khí quyển gây hiệu ứng nhà kính mà hiện nay cả thế giới đang phải nỗ lực khắc phục, đồng thời làm giảm tính đa dạng sinh học. Tại mục 2.2 của thông tư này có nêu: UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định về loài cây mục đích, áp dụng tiêu chí về trữ lượng hoặc mật độ cây để quyết định cải tạo rừng phù hợp với thực tế của địa phương, chính điều này đã dẫn đến mỗi tỉnh áp dụng một kiểu, không có sự thống nhất và ảnh hưởng kết quả chung của thông tư: Gia Lai tiêu chí rừng nghèo kiệt: Độ tàn che tầng cây gỗ $< 0,3$, $D_{bq} < 18$ cm, trữ lượng bình quân 30 m^3 ; tỉnh Lâm Đồng dựa vào mật độ và danh mục các loài cây mục đích.

Sau đó Thông tư số 57/2007/TT-BNN, ngày 13 tháng 6 năm 2007 của Bộ NN & PTNT ban hành sửa đổi Thông tư 99/2006/TT-BNN: Tại tiết a, b, Điểm 2.2, Khoản 2, Mục II cụm từ “ Đối với rừng gỗ thuần loài ” sửa lại “ Đối với rừng gỗ “ ; “ Đối với rừng tre, nửa thuần loài ” sửa lại “ Đối với rừng tre, nửa ”.

Các văn bản hướng dẫn chuyển đổi rừng và đất lâm nghiệp sang trồng cao su tại Thông tư số 76/2007/TT-BNN, ngày 21 tháng 8 năm 2007 hướng dẫn việc chuyển đổi rừng và đất lâm nghiệp sang trồng cây cao su ở Tây Nguyên. Tại khoản 1 Mục 2 quy định tiêu chuẩn kỹ thuật đối với đất trồng cao su, đối chiếu với các tiêu chí quy định rừng tự nhiên nghèo kiệt có thể chuyển đổi theo thông tư số 99/2006/TT-BNN thì rất ít diện tích rừng nghèo kiệt chuyển đổi để đáp ứng diện tích đất trồng Cao su. Tại khoản 3, Mục II của thông tư quy định về điều kiện chuyển đổi rừng và đất lâm nghiệp sang đất nông nghiệp để trồng cao su: Phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; và có kế hoạch trồng rừng mới thay thế diện tích rừng sẽ chuyển sang mục đích sử dụng khác. 02 điều kiện này rất quan trọng để chuyển đổi nhưng trên thực tế gần như ít được địa phương quan tâm. Tại tiết b, khoản 5, Mục II quy định: chủ đầu tư lựa chọn tư vấn chuyên ngành để điều tra hiện trạng đất đai, tài nguyên rừng và lập dự án trồng cây cao su, đây là những quy định chưa phù hợp bởi khi chủ đầu tư được lựa chọn tư vấn thì chịu sự chi phối của chủ đầu tư dẫn đến kết quả lập dự án trồng cao su có nhiều điểm sai, mặt khác thông tư lại không quy định các điều kiện, khả năng của các tổ chức, cá nhân là chủ đầu tư trồng cao su. Theo khoản 6, Mục II quy định trình tự, thủ tục chuyển đổi đất sang trồng cao su của các nông, lâm trường rất dễ, do đó nhiều diện tích rừng và đất lâm nghiệp đã được chuyển đổi sang trồng cao su từ các nông, lâm trường.

Thông tư 07/2008/TT-BNN, ngày 25 tháng 01 năm 2008 được sửa đổi bổ xung cho Thông tư số 76/2007/TT-BNN quy định về cấp thẩm định, phê duyệt

và tiêu chí Rừng nghèo, rừng non phục hồi thuộc trạng thái rừng nhóm 3(IIIA1), nhóm 2. Để mở rộng diện tích chuyển đổi rừng và đất lâm nghiệp sang trồng cao su ngày 03 tháng 3 năm 2008, Bộ NN & PTNT có Thông tư số 39/2008/TT-BNN về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 76/2007/TT-BNN và Thông tư số 07/2008/TT-BNN quy định : Đất lâm nghiệp là đất trống đã được quy hoạch để trồng rừng sản xuất; rừng tự nhiên nghèo là rừng sản xuất bao gồm cả rừng non phục hồi, rừng hỗn giao cụ thể: Đối với rừng gỗ lá rộng thường xanh có trữ lượng gỗ bình quân nhỏ hơn 130 m³/ha; đối với rừng khộp có trữ lượng gỗ bình quân nhỏ hơn 100 m³/ha; đối với rừng hỗn giao gỗ, tre nứa có trữ lượng gỗ bình quân nhỏ hơn 70 m³/ha; rừng tự nhiên là rừng lồ ô, tre nứa, le là rừng sản xuất và rừng trồng sản xuất kém hiệu quả.

Thông tư số 39/2008/TT-BNN này đã mở rộng phạm vi từ đất rừng chuyển đổi trồng cao su từ kiểu rừng IIa, IIb sang đến IIIA₂ được xác định thông qua chỉ tiêu định lượng, trên thực tế có rất nhiều rừng ở trạng thái này, đây là trạng thái rừng có khả năng phục hồi phát triển tốt nếu áp dụng các biện pháp lâm sinh phù hợp. Đất lâm nghiệp là đất trống được chuyển đổi sang trồng cao su, dẫn đến nhiều diện tích đất lâm nghiệp được chuyển đổi nhanh chóng, diện tích trồng cao su tăng lên đáng kể; ngược lại diện tích đất để trồng rừng giảm. Trong quá trình thực hiện Thông tư này có quá nhiều diện tích rừng bị chuyển đổi, ảnh hưởng không nhỏ đến sự phát triển chung của ngành lâm nghiệp. Do vậy, Thông tư số 127/2008/TT-BNN, ngày 31 tháng 12 năm 2008 ban hành trên cơ sở tiêu chí định lượng giảm đi, đồng thời mở rộng phạm vi sang kiểu rừng Ia, Ib, Ic, ...Đối với Tây Nguyên: Rừng gỗ lá rộng thường xanh có trữ lượng gỗ bình quân theo lô nhỏ hơn từ 130 m³ rút xuống còn 110 m³/ha, Rừng khộp có trữ lượng gỗ bình quân nhỏ hơn từ 100 m³ rút xuống còn 50 m³/ha, Rừng hỗn giao gỗ, tre nứa từ 70 m³ rút xuống còn 65 m³/ha. Để tháo gỡ những vướng mắc khó khăn đối với những trường hợp chuyển đổi thuộc dự án trồng Cao su đã trình các ngành chức năng hoặc UBND cấp tỉnh trước thông tư số 127/2008, ngày 31/12/2008: Có trữ lượng gỗ bình quân theo lô lớn hơn hoặc bằng 50 m³/ha và nhỏ hơn 100 m³/ha thì được thực hiện theo dự án đã lập. Tại Thông tư này tiêu chuẩn quy định đất để trồng cao su tương đối đầy đủ so với các Thông tư trên, tuy nhiên đối với các loại đất trống Ia, Ib, Ic và đất có rừng trồng là rừng sản xuất kém hiệu quả khó mà đáp ứng được các tiêu chuẩn kỹ thuật về đất để trồng cao su.

Thông tư số 58/2009/TT-BNN, ngày 09/9/2009 hướng dẫn việc trồng cao su trên đất lâm nghiệp: Rừng gỗ nghèo có trữ lượng cây đứng bình quân theo lô từ 10-100 m³ /ha; rừng gỗ chưa có trữ lượng: Rừng gỗ có đường kính bình quân < 8 cm, trữ lượng cây đứng bình quân < 10 m³ /ha; rừng gỗ nghèo hỗn giao với tre, nứa: Trữ lượng gỗ cây đứng bình quân < 65 m³/ha, Thông tư này mở rộng

cho đối tượng rừng gỗ chưa có trữ lượng (tương đương nhóm 2 – nhóm rừng phục hồi), đối tượng đất có rừng trồng là rừng sản xuất. Thông tư này mở rộng đối tượng đất lâm nghiệp sang trồng cao su, dẫn đến tình trạng nhiều địa phương đã chuyển đổi nhiều diện tích đất lâm nghiệp sang để trồng cao su, mâu thuẫn giữa quy hoạch và sử dụng đất rừng; diện tích đất để trồng rừng ngày một giảm. Tại tiết a, khoản 1, Điều 7 của thông tư nêu: UBND tỉnh căn cứ vào thực tế của địa phương để lựa chọn đơn vị có chức năng hoặc giao cho chủ rừng, chủ đầu tư trồng cao su để khai thác tận dụng lâm sản, nhưng phải thực hiện đúng quy định và đảm bảo tiến độ trồng cao su; UBND tỉnh có quyền lựa chọn 03 đơn vị để khai thác tận dụng lâm sản, do đó đã tạo ra cơ chế xin cho và thực tế rất nhiều chủ đầu tư trồng cao su được phép khai thác tận thu lâm sản vì vậy một khối lượng tài nguyên gỗ lớn bị mất đi sau khi chặt hạ so với trữ lượng cây đứng là điều khó tránh khỏi.

Tuy nhiên quá trình thực hiện chuyển đổi cần lưu ý: Ngoài định lượng về trữ lượng còn phải xem xét khả năng phát triển của rừng đang ở giai đoạn nào, nếu không nhiều loại rừng có tiềm năng phát triển tốt sẽ bị chuyển đổi; xem xét những yếu tố: kinh tế - xã hội, quy mô diện tích, vị trí, giao thông đi lại, và gần khu dân cư...và nên trồng thử nghiệm, sau khi có kết quả đánh giá mới tiến hành nhân rộng tránh gây thiệt hại kinh tế của nhà nước và của dân.

Việc quy hoạch, chuyển đổi diện tích rừng nghèo kiệt và đất lâm nghiệp sang trồng cao su một cách ồ ạt đã dẫn đến tình trạng là diện tích quy hoạch, chuyển đổi thì nhiều trong khi đó diện tích trồng thực thì ít, (trong 5 năm trồng đạt 50% kế hoạch), bên cạnh đó việc quy hoạch, chuyển đổi có sự chồng chéo và có trường hợp lợi dụng để phá rừng.

Qua khảo sát của phóng viên báo tiền phong cho thấy, tỷ lệ thiếu đất của đồng bào Tây Nguyên có nơi không dưới 30% so với quy định, trong khi các doanh nghiệp xin chuyển đổi đất mà không phải đóng góp một khoản phí nào, và được lợi hàng tỷ đồng trong khi tài nguyên Quốc gia bị tàn phá, sử dụng kém hiệu quả.

Thực tế một số địa phương đã không nghiên cứu thấu đáo về các tiêu chí khi chuyển đổi rừng sang trồng cao su, đã gây ra tình trạng một số diện tích rừng không phù hợp để trồng cây cao su, cụ thể như việc chuyển đổi hơn 7455 ha rừng khộp nghèo sang trồng Cao su của tỉnh Đắk Lắk. Mặc dù thông tư hướng dẫn đã quy định trước khi chuyển đổi sang trồng cao su bắt buộc phải có báo cáo đánh giá tác động môi trường và kinh tế xã hội, nhưng thực tế việc này ít được để ý, mặt khác đơn vị tư vấn báo cáo này lại do chính các đơn vị doanh nghiệp thuê. Một số nơi chuyển đổi rừng và đất lâm nghiệp sang trồng cao su có cơ sở hạ tầng thấp kém, điều kiện sinh hoạt cho công nhân thiếu thốn, đời sống gặp nhiều khó khăn, thu nhập thấp, do đó chưa thu hút được nhiều người dân địa

phương tham gia trong khi họ đang thiếu đất sản xuất, nên đã xảy ra tranh chấp đất sản xuất với doanh nghiệp làm ảnh hưởng đến sự phát triển chung của Tây Nguyên.

Để đạt được mục tiêu đề ra của Chính phủ về phát triển cây cao su vùng Tây Nguyên rất cần phải sửa đổi một số thông tư cho phù hợp và sớm tổ chức hội nghị có sự tham gia đầy đủ các bên như: Chính phủ, Bộ NN & PTNT, lãnh đạo các địa phương, các nhà khoa học, các doanh nghiệp trồng cao su để đánh giá toàn diện những vấn đề trên đưa ra giải pháp khắc phục nhằm phát triển kinh tế xã hội vùng Tây Nguyên, đảm bảo an ninh quốc phòng.

Tài liệu tham khảo

1. Trần Văn Con, *Cơ sở khoa học để xây dựng tiêu chí rừng tự nhiên nghèo kiệt được phép cải tạo*. Viện khoa học lâm nghiệp Việt Nam.
2. Quyết định số 40/2005/QĐ-BNN, ngày 07/7/2005 về ban hành quy chế khai thác gỗ và lâm sản khác
3. Thông tư số 99/2006/TT-BNN, ngày 06/11/2006 về Hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế quản lý rừng ban hành kèm theo Quyết định số 186/2006/QĐ-TTg, ngày 14/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ.
2. Thông tư số 57/2007/TT-BNN, ngày 13 tháng 6 năm 2007 của Bộ NN & PTNT ban hành sửa đổi Thông tư 99/2006/TT-BNN
4. Thông tư số 76/2007/TT-BNN, ngày 21/8/2007 về Hướng dẫn chuyển rừng và đất lâm nghiệp sang trồng cao su ở Tây Nguyên
5. Thông tư số 07/2008/TT-BNN, ngày 25/01/2008 về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 76/2007/TT-BNN, ngày 21/8/2007
6. Thông tư số 39/2008/TT-BNN, ngày 03/3/2008 về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 76/2007/TT-BNN và Thông tư số 07/2008/TT-BNN
7. Thông tư số 127/2008/TT-BNN, ngày 31/12/2008 về Hướng dẫn trồng cao su trên đất lâm nghiệp
8. Thông tư số 58/2009/TT-BNN, ngày 09/9/2009 hướng dẫn việc trồng cao su trên đất lâm nghiệp
9. Trang web kiểm lâm ra ngày 15, 16, 17, 19 tháng 8; 27/9 năm 2011
10. Tổng Công ty cao su Việt Nam (2004), *Quy trình kỹ thuật cây cao su*, TP HCM
11. Tập Đoàn công nghiệp cao su Việt Nam (2010), *Quy trình kỹ thuật trồng cao su vùng miền núi phía Bắc*, TP HCM.

Nhận xét – Đánh giá

A. Bài đăng báo : “Chuyển đổi rừng nghèo kiệt sang trồng cao su ở Tây nguyên”

Nhận xét : 1- Cấu trúc : Không phải bài về khoa học vẫn phải chia ra các phần :

- Giới thiệu hay nhập đề ,
- Tình hình thực hiện chủ trương chuyển đổi và các bất cập
- Kết luận, khuyến nghị
- Tài liệu tham khảo

2- Nội dung :

- không cần kể nhiều số liệu diện tích, kế hoạch chuyển đổi ở trang 1 .
- Tăng việc phân tích các bất cập trong thông tư hướng dẫn
- Phân tích bất cập trong quy trình thực hiện
 - i. Tập đoàn cao su nhận đất ít hơn đại gia ,
 - ii. Lấy cả cá khu rừng khộp vừa hạn vừa ngập theo

mùa,

- iii. Không đánh giá tác động môi trường (các năm đầu),
- iv. Phân tích giá trị phòng hộ, CO₂, ĐDSH của rừng tự nhiên nghèo kiệt > kinh tế cao su (chưa biết tương lai)
- v. Không đủ căn cứ khoa học :

- Tại sao chuyển 100000 ha ?, do nhu cầu kinh tế, do thiếu đất hay lý do điều kiện sinh thái hạn chế hay lý do gì ?
- Chưa thử nghiệm đủ lớn, đủ chu kỳ về đưa cao su lên cao đã đưa nhau trồng đại trà, không biết tương lai cao su có sống, có cho mù, lỗ hay lãi....so với mất rừng tự nhiên .

3- Tiêu đề bài báo nên rút ngắn lại : “Chuyển đổi rừng nghèo kiệt sang trồng cao su ở Tây nguyên còn nhiều bất cập”.

Đánh giá :

- + Chủ đề và nội dung tốt, tính thời sự cao, *có thể đăng* .
- + Sửa chữa, bổ sung theo gợi ý phân nhận xét 1, 2, 3 .
- + Số liệu lấy từ đâu phải ghi rõ nguồn, 3-7 nguồn tài liệu trích dẫn chính cần đưa vào “Tài liệu tham khảo”

Ngày 10-10-2011

Người nhận xét

GS.TSKH. Nguyễn Ngọc Lung